

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 3445/2024/LĐ-ST
Ngày: 30/7/2024
V/v Tranh chấp về đơn phương chấm
dứt hợp đồng lao động.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Hương
- Bà Nguyễn Thị Lượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Ngọc Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2022/TLST-LĐ ngày 02 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5467/2024/QĐXXST-LĐ ngày 16 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà SINGH N, sinh năm 1981

Địa chỉ: Chung cư P, đường S, Cao tốc L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Nguyễn Sơn T, sinh năm 1986 (có mặt)
- Bà Vương Thị T, sinh năm 1985 (vắng mặt)
- Bà Nguyễn Thị Như H, sinh năm 2001 (có mặt)
- Bà Lê Thị Cẩm V, sinh năm 2001 (có mặt)

Địa chỉ liên lạc: Tòa nhà S, Đường T, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Trường Quốc tế T

Trụ sở: đường S, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đinh Thị Lê N, sinh năm 2000

Địa chỉ liên lạc: Cao ốc Vietnam Business Center, số 57-59, Đường Hồ Tùng Mậu, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Luật sư Trần Thị Mỹ N – Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Luật sư Quốc tế thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Cao ốc V, Đường H, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn bà SINGH N do ông Nguyễn Sơn T, bà Nguyễn Hà T, bà Võ Ngọc Minh Thư trình bày:

Bà SINGH N bắt đầu làm việc tại Trường Quốc tế T (viết tắt là Trường T) theo hợp đồng lao động thứ nhất ký ngày 27/7/2018. Bà N và Trường T ký với nhau 03 hợp đồng lao động (viết tắt là HĐLĐ):

- HĐLĐ hiệu lực từ ngày 01/8/2018 đến ngày 31/7/2020 (viết tắt là HĐLĐ số 1), tiền lương 2.758 USD/tháng bao gồm mức lương 2.158 USD/tháng và trợ cấp nhà ở 600 USD/tháng.

- HĐLĐ hiệu lực từ ngày 01/8/2020 đến ngày 31/7/2021 (viết tắt là HĐLĐ số 2), tiền lương 2.950,5 USD/tháng bao gồm mức lương 2.350,5 USD/tháng và trợ cấp nhà ở 600 USD/tháng.

- HĐLĐ hiệu lực từ ngày 01/8/2021 đến ngày 31/7/2022 (viết tắt là HĐLĐ số 3), tiền lương 3.075 USD/tháng bao gồm mức lương 2.475 USD/tháng và trợ cấp nhà ở 600 USD/tháng.

Bà N được cấp giấy phép lao động từ ngày 04/9/2018 đến ngày 01/9/2020 và từ ngày 10/9/2020 đến ngày 10/9/2022. Ngày 11/01/2021, bà SINGH N ký HĐLĐ thứ 3 với Trường T.

Trong suốt quá trình làm việc tại trường, bà N đều hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao và chưa từng vi phạm kỷ luật lao động. Ngày 29/6/2021, bà N được Trường T yêu cầu ký vào Thông báo chấm dứt HĐLĐ đề ngày 19/5/2021, theo đó, Trường T chấm dứt HĐLĐ với bà N kể từ ngày 19/6/2021 bởi lý do: *dịch COVID bùng phát rất nghiêm trọng và Trường T đã tích cực thực hiện các biện pháp cần thiết để duy trì hoạt động nhưng vẫn không hiệu quả, buộc phải giảm chỗ làm việc*. Đồng thời, Trường T đã đề xuất sẽ thanh toán cho bà N khoản tiền 253.898.010 đồng, bao gồm:

- Tiền lương và trợ cấp tiền nhà từ ngày 01/6/2021 đến ngày 31/7/2021 là 136.513.260 đồng.

- Tiền chi trả số ngày phép chưa nghỉ là 23.130.000 đồng.

- Tiền trợ cấp thôi việc từ ngày 01/8/2018 đến ngày 31/7/2021 là 81.556.380 đồng.

- Tiền vé máy bay 550 USD tương đương 12.721.500 đồng.

Ngày 01/7/2021, bà N nhận được khoản tiền 185.653.010 đồng do Trường T chuyển vào tài khoản nhưng không biết đó là khoản tiền gì.

Trong quá trình làm việc, Trường T cũng không đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho bà N. Bà N nhận thấy Trường T đã đơn phương chấm dứt HĐLĐ trái pháp luật và đã vi phạm thời hạn báo trước đối với bà N nên khởi kiện yêu cầu Trường T có trách nhiệm:

- Bồi thường tiền lương trong những ngày không được làm việc từ ngày 01/8/2021 đến ngày 31/7/2022, tiền lương 3.075 USD/tháng x 12 tháng x 23.130 đồng/USD, số tiền là 853.497.000 đồng.

- Bồi thường 02 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt HĐLĐ trái pháp luật, tiền lương 3.075 USD/tháng x 2 tháng x 23.130 đồng/USD là 142.249.500 đồng.

- Bồi thường 02 tháng tiền lương cho việc nguyên đơn đồng ý chấm dứt hợp đồng lao động do bị đơn không nhận trở lại làm việc, tiền lương 3.075 USD/tháng x 2 tháng x 23.130 đồng/USD là 142.249.500 đồng.

- Trả trợ cấp thôi việc cho khoảng thời gian làm việc tại trường, tiền lương 2.950,5 USD x 3 năm x 1/2 x 23.130 đồng/USD tương đương 102.367.598 đồng.

- Trả tiền vé máy bay chưa thanh toán theo quy định tại Điều 6.4 Hợp đồng lao động là 550 USD x 23.130 đồng/USD = 12.721.500 đồng.

- Đóng đầy đủ bảo hiểm xã hội (viết tắt là BHXH), bảo hiểm y tế (viết tắt là BHYT) cho nguyên đơn kể từ ngày 01/8/2018 đến ngày 31/7/2022, chốt và trả sổ BHXH cho nguyên đơn.

- Trả tiền lương trong những ngày vi phạm thời hạn báo trước về việc chấm dứt HĐLĐ (30 ngày) là 106.783.568 đồng.

Ngoài ra nguyên đơn không còn yêu cầu nào khác.

Đối với việc Trường T cân trừ tiền lương của bà N vào tiền học phí của con bà N đang học tại trường thì nguyên đơn không đồng ý do trái với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong đơn khởi kiện của bà N không có yêu cầu về thanh toán tiền lương tháng 6/2021 và tiền lương tháng 7/2021. Vì vậy, nội dung này không ảnh hưởng đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Sau này nếu nguyên đơn có tranh chấp về việc cân trừ tiền lương thì sẽ khởi kiện trong vụ kiện khác.

- Về hiệu lực của các HĐLĐ:

Căn cứ Điều 9.1.(d) Thông tư 40/2021/TT-BGDĐT, Hiệu trưởng của Trường T chỉ có thẩm quyền ký HĐLĐ với giáo viên khi được ủy quyền bởi hội nghị nhà đầu tư hoặc chủ sở hữu. Tuy nhiên, Trường T không cung cấp được tài liệu nào thể hiện Hiệu trưởng Trường T được ủy quyền bởi hội nghị nhà đầu tư hoặc chủ sở hữu. Ngoài ra, Trường T cũng không cung cấp được bất kỳ tài liệu, điều lệ trường hay quy chế hoạt động của trường nào chứng minh cho lập luận của Trường T về việc Hiệu trưởng là người duy nhất có đủ thẩm quyền ký HĐLĐ với giáo viên của trường.

Mặt khác, thời điểm ký kết HĐLĐ số 2 là ngày 16/01/2020 và HĐLĐ số 3 là ngày 11/01/2021. Căn cứ Quyết định số 112/QĐ-SGDĐT về công nhận Hiệu trưởng Trường Quốc tế T đề ngày 13/01/2021, ông G giữ chức vụ Hiệu trưởng tại Trường T là từ ngày 13/01/2021 đến ngày 16/10/2022. Ngoài ra, sau khi ký HĐLĐ số 2, Trường T thanh toán đầy đủ tiền lương hàng tháng và xác nhận đã đóng BHXH cho bà N. Điều

này chứng minh rằng HĐLĐ do ông Nguyễn Minh P ký là đúng thẩm quyền. Do đó, việc Trường T khẳng định HĐLĐ số 2 và HĐLĐ số 3 vô hiệu là không có căn cứ.

- Về đơn khởi kiện:

Bà N nộp Đơn khởi kiện ngày 10/5/2022 và được Tòa án nhận đơn vào ngày 18/5/2022 theo Giấy xác nhận đã nhận đơn khởi kiện số 2195/GXN-TA của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đề cùng ngày. Tại Công văn số 2504/QLXNC-P4 của Cục Quản lý Xuất nhập cảnh – Bộ Công an, bà N xuất cảnh rời Việt Nam vào ngày 18/7/2022 và hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại. Do đó, tại thời điểm ký và nộp đơn khởi kiện, bà N vẫn đang cư trú tại Việt Nam. Ngoài ra, Đơn khởi kiện của bà N được soạn thảo bằng tiếng Việt, có chữ ký của bà N. Vì vậy, Đơn khởi kiện của bà N không cần thực hiện thủ tục hợp pháp hóa lãnh sự để tài liệu được công nhận và sử dụng tại Việt Nam theo quy định tại Điều 478 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (viết tắt là BLTTDS).

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Thời điểm ký và nộp đơn khởi kiện, bà N là người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam và chưa thực hiện thủ tục xuất cảnh khỏi lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, việc bị đơn áp dụng khoản 3 Điều 35 BLTTDS cho rằng tranh chấp giữa bà N và Trường T là tranh chấp lao động có đương sự ở nước ngoài nên vụ việc không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện là hoàn toàn không có cơ sở. Các yêu cầu khởi kiện của bà N yêu cầu Trường T phải thực hiện các nghĩa vụ do hành vi đơn phương chấm dứt HĐLĐ trái pháp luật và vi phạm nghĩa vụ tham gia BHXH, BHYT đối với bà N, không bắt buộc phải thông qua thủ tục hòa giải của hòa giải viên lao động mà thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Theo Điều 35, Điều 39 BLTTDS, các tranh chấp về lao động nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện nơi bị đơn có trụ sở. Theo Quyết định số 4563/QĐ-UBND ngày 12/9/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Trường T có trụ sở tại Thành phố Thủ Đức. Như vậy, việc Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định của BLTTDS.

- Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 29/6/2021, bà N nhận được Thông báo chấm dứt HĐLĐ của Trường T đề ngày 19/5/2021. Bà N đã ký nhận và ghi ngày nhận trên thông báo này. Theo quy định tại Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019 (viết tắt là BLLĐ), thời hiệu yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động cá nhân là 01 năm kể từ ngày phát hiện ra hành vi mà bên tranh chấp cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị vi phạm. Như vậy, thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 29/6/2021 đến ngày 29/6/2022. Vì vậy, nguyên đơn nộp đơn khởi kiện còn trong thời hiệu khởi kiện.

2. Bị đơn Trường Quốc tế T do bà Đinh Thị Lê N làm đại diện trình bày:

- Về hợp đồng lao động:

Bị đơn và nguyên đơn ký HĐLĐ số 1 tuyển dụng giáo viên toàn thời gian, vị trí công việc là giáo viên môn Khoa học khối trung học, hợp đồng có hiệu lực từ ngày 01/8/2018 đến ngày 31/7/2020.

Ngày 16/01/2020, bị đơn và nguyên đơn ký HĐLĐ số 2 với vị trí công việc là giáo viên môn Khoa học khối Trung học cơ sở, hợp đồng có hiệu lực từ ngày

01/8/2020 đến ngày 31/7/2021, mức lương 2.350,5USD/tháng, thanh toán lương tháng đầu tiên vào ngày 31/8/2020, trợ cấp tiền nhà 600USD/tháng tính từ ngày 01/8/2020 đến hết ngày 31/7/2021 (tháng làm việc cuối cùng). Trường T không cấp tiền nhà tháng 7/2021 trừ khi hợp đồng được thay mới. Hợp đồng này có chữ ký của người lao động và người sử dụng lao động là ông Nguyễn Minh P – Chủ tịch Hội đồng quản trị và đóng dấu của Trường T.

Sau đó, bà N cung cấp cho Tòa án HĐLĐ số 3 có chữ ký của bà N ghi ngày 11/01/2021 và người sử dụng lao động là ông Nguyễn Minh P – Chủ tịch Hội đồng quản trị và đóng dấu của Trường T, có hiệu lực từ ngày 01/8/2021 đến ngày 31/7/2022.

Theo Điều 9 Thông tư số 40/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định hiệu trưởng là người ký HĐLĐ với giáo viên. Như vậy, ông Nguyễn Minh P không có thẩm quyền ký HĐLĐ với bà N. Điều 49 BLLĐ, hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ trong trường hợp người giao kết hợp đồng không có thẩm quyền. Như vậy, HĐLĐ số 2 và HĐLĐ số 3 là vô hiệu. Theo Điều 10 Nghị định số 145/NĐ-CP ngày 14/12/2020, trường hợp không ký lại HĐLĐ vô hiệu toàn bộ thì thực hiện chấm dứt HĐLĐ, người sử dụng lao động không phải bồi thường cho người lao động.

Ngày 19/5/2021, bị đơn và nguyên đơn thỏa thuận về việc chấm dứt HĐLĐ bằng Thông báo ghi ngày 19/5/2021 với nội dung: Chấm dứt HĐLĐ với bà SINGH N, kể từ ngày 19/6/2021, lý do: do dịch bệnh COVID rất nghiêm trọng từ đầu năm 2021 cho đến nay, Trường T đã tích cực thực hiện các biện pháp cần thiết để duy trì hoạt động nhưng vẫn không có hiệu quả buộc phải giảm chỗ làm việc. Nguyên đơn đã ký tên và ghi ngày 29/6/2021.

Ngày 18/6/2021, bị đơn đã thanh toán tiền lương tháng 6/2021 cho nguyên đơn bằng cách chuyển vào tài khoản của nguyên đơn số tiền 35.641.000 đồng. Ngày 01/7/2021, bị đơn đã thanh toán số tiền còn lại của thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động sau khi trừ đi tiền lương tháng 6/2021 và tiền học phí của con của nguyên đơn là 32.604.000 đồng, bị đơn đã chuyển 185.653.010 đồng vào tài khoản của nguyên đơn.

Do HĐLĐ ghi ngày 16/01/2020 chấm dứt trên cơ sở thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn đã đồng ý với các điều khoản trong Thông báo ngày 19/5/2021 bằng việc ký tên vào thông báo. Bị đơn đã thanh toán tiền lương và chế độ cho nguyên đơn và đã đóng BHXH, BHYT cho nguyên đơn từ tháng 8/2018 đến hết tháng 6/2021, bị đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người sử dụng lao động. Bị đơn không đơn phương chấm dứt HĐLĐ với nguyên đơn, do đó, bị đơn không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Do HĐLĐ số 3 bị vô hiệu và cũng chưa phát sinh hiệu lực, hai bên đã không thực hiện nên bị đơn không có bất kỳ nghĩa vụ nào đối với bà N phát sinh từ hợp đồng này.

- Về hình thức đơn khởi kiện:

Đơn khởi kiện ghi ngày 10/5/2022, có dấu nhận đơn ngày 18/5/2022 của Tòa án và đơn khởi kiện ghi ngày 10/5/2022, có dấu nhận đơn ngày 20/5/2022 đều không được hợp pháp hóa lãnh sự. Theo Điều 478 BLTTDS, bà N là người nước ngoài thì tài liệu do bà N lập phải được hợp pháp hóa lãnh sự. Do đó, 02 đơn khởi kiện của bà N

không đúng hình thức theo quy định của pháp luật Việt Nam nên không được Tòa án Việt Nam công nhận.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bà N có quốc tịch Ấn Độ. Do đó, đây là vụ tranh chấp có yếu tố nước ngoài. Như vậy, Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án cấp tỉnh. Bị đơn đề nghị chuyển hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết theo thẩm quyền.

- Về thời hiệu khởi kiện, nguyên đơn nộp đơn khởi kiện ghi ngày 10/5/2022 đến Tòa án, dấu nhận đơn của Tòa án là ngày 18/5/2021, nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền 1.321.330.163 đồng. Ngày 20/5/2021, Tòa án nhận đơn khởi kiện ghi ngày 10/5/2022, nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền 1.253.085.098 đồng. Theo Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án thì Tòa án đã thụ lý đơn khởi kiện có dấu nhận đơn ngày 20/5/2022. Theo Điều 190 BLLĐ, vụ kiện đã hết thời hiệu khởi kiện.

Từ những phân tích và căn cứ nêu trên, bị đơn yêu cầu Tòa án:

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.
- Không chấp nhận đơn khởi kiện ghi ngày 10/5/2022 của bà N, yêu cầu bà N sửa lại đơn khởi kiện theo đúng quy định của pháp luật là hợp pháp hóa lãnh sự đơn khởi kiện.
- Yêu cầu Tòa án ban hành quyết định chuyển vụ án đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết theo đúng thẩm quyền để Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định đình chỉ vụ án.

Ngoài ra, bị đơn không có yêu cầu nào khác.

3. Tại phiên tòa:

3.1 Nguyên đơn bà N do ông Nguyễn Sơn T, bà Nguyễn Thị Như H và bà Lê Thị Cẩm V là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện và ý kiến đã trình bày. Tuy nhiên, về tỷ giá ngoại tệ USD thì nguyên đơn có thay đổi yêu cầu, nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán theo tỷ giá 23.130 đồng/USD, cụ thể như sau:

- Bồi thường tiền lương trong những ngày không được làm việc từ ngày 01/8/2021 đến ngày 31/7/2022, tiền lương 3.075 USD/tháng x 12 tháng x 23.130 đồng/USD, số tiền là 853.497.000 đồng.

- Bồi thường 02 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt HĐLĐ trái pháp luật, tiền lương 3.075 USD/tháng x 2 tháng x 23.130 đồng/USD là 142.249.500 đồng.

- Bồi thường 02 tháng tiền lương do thỏa thuận chấm dứt HĐLĐ, tiền lương 3.075 USD/tháng x 2 tháng x 23.130 đồng/USD là 142.249.500 đồng.

- Trả trợ cấp thôi việc cho khoảng thời gian làm việc tại trường, tiền lương 2.950,5 USD x 3 năm x 1/2 x 23.130 đồng/USD là 102.367.598 đồng.

- Trả tiền vé máy bay là 550 USD x 23.130 đồng/USD = 12.721.500 đồng.

- Trả tiền lương trong những ngày vi phạm thời hạn báo trước (30 ngày) là (3.075 USD / 22 ngày) x 30 ngày x 23.130 đồng/USD là 96.988.295 đồng.

- Đóng đầy đủ BHXH, BHYT cho nguyên đơn kể từ ngày 01/8/2018 đến ngày 31/7/2022, chốt và trả sổ BHXH cho nguyên đơn.

Nguyên đơn không đồng ý với ý kiến của bị đơn cho rằng HĐLĐ số 1, số 2 và số 3 vô hiệu. Bà N có quốc tịch Ấn Độ nhưng tại thời điểm ký và nộp đơn khởi kiện thì bà N vẫn còn ở Việt Nam nên đơn khởi kiện không cần hợp pháp hóa lãnh sự và vụ án cũng không thuộc trường hợp có yếu tố nước ngoài. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức thụ lý là đúng thẩm quyền. Ngày 29/6/2021, bà N mới nhận được thông báo chấm dứt HĐLĐ của Trường T, đến ngày 18/5/2022 bà N nộp đơn khởi kiện đến Tòa án là còn trong thời hiệu khởi kiện.

Bà N không có tranh chấp về việc Trường T cản trừ tiền học phí của con của bà N vào tiền lương của bà N, sau này nếu có tranh chấp thì bà N sẽ khởi kiện trong vụ kiện khác.

Ngoài ra nguyên đơn không còn yêu cầu nào khác.

3.2 Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Trường T trình bày:

Bị đơn và nguyên đơn đã thỏa thuận chấm dứt HĐLĐ số 2 theo Thông báo về việc chấm dứt HĐLĐ ngày 19/5/2021. Bị đơn không đơn phương chấm dứt HĐLĐ với nguyên đơn. Đồng thời, HĐLĐ số 2 và số 3 bị vô hiệu do người ký là ông Nguyễn Minh P – Chủ tịch Hội đồng trường, ông Phú không có thẩm quyền ký hợp đồng lao động. Trường T đã thanh toán đầy đủ các khoản tiền cho bà N đến hết hạn của HĐLĐ số 2. Hơn nữa, Thông báo chấm dứt HĐLĐ ghi ngày 19/5/2021 chỉ chấm dứt HĐLĐ số 2, không chấm dứt HĐLĐ số 3, bà N tự ý bỏ việc 05 ngày liên tục mà không có lý do chính đáng, hai bên đã không thực hiện hợp đồng này. Do đó, Trường T không có bất kỳ nghĩa vụ nào đối với bà N phát sinh từ HĐLĐ số 3.

Ngoài ra, đơn khởi kiện của bà N không được hợp pháp hóa lãnh sự nên không đúng hình thức theo quy định của pháp luật Việt Nam. Bà N có quốc tịch Ấn Độ nên đây là vụ tranh chấp có đương sự ở nước ngoài, căn cứ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Hai bên thỏa thuận chấm dứt HĐLĐ theo Thông báo chấm dứt hợp đồng lao động ngày 19/5/2021, nếu có tranh chấp thì thời điểm phát sinh tranh chấp được xác định từ ngày 19/5/2021. Ngày 18/5/2022, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức nhận đơn khởi kiện ghi ngày 10/5/2022, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 1.321.330.163 đồng. Ngày 20/5/2022, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức nhận đơn khởi kiện ghi ngày 10/5/2022, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 1.253.085.098 đồng. Như vậy, đơn khởi kiện nhận ngày 20/5/2022 đã phủ nhận đơn khởi kiện nhận ngày 18/5/2022. Theo Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức thì Tòa án thụ lý đơn khởi kiện nhận ngày 20/5/2022. Như vậy, vụ kiện này đã hết thời hiệu khởi kiện.

Từ những cơ sở trên, bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N; Yêu cầu bà N hoàn thiện lại hình thức đơn khởi kiện; Ban hành quyết định chuyển hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết theo đúng thẩm quyền để Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định đình chỉ vụ án theo điểm e khoản 1 Điều 217 BLTTDS.

3.3 Bị đơn Trường T do bà Đinh Thị Lê N làm đại diện trình bày:

Trường T có cùng ý kiến với người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Đồng thời, Trường T xác định HĐLĐ số 1, số 2 và số 3 đều bị vô hiệu do người ký không có thẩm quyền. Hơn nữa, thông báo chấm dứt HĐLĐ ngày 19/5/2021 chỉ chấm dứt HĐLĐ số 2. Từ ngày 01/8/2021, bà N không quay trở lại làm việc nên bà N đã tự ý bỏ việc 05 ngày liên tiếp. Trường T có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bà N mà không cần báo trước.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

4.1 Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, có vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đồng thời, quyền và nghĩa vụ của đương sự được tôn trọng và bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

4.2 Về nội dung: Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu tính tỷ giá ngoại tệ USD theo tỷ giá 23.130 đồng/USD, không yêu cầu tính theo tỷ giá tại thời điểm xét xử, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà N: Trường T đơn phương chấm dứt HĐLĐ trái pháp luật đối với bà N nên buộc Trường T có trách nhiệm bồi thường cho bà N 02 tháng lương do đơn phương chấm dứt HĐLĐ trái pháp luật là 108.734.130 đồng; Trả tiền lương cho những ngày vi phạm thời hạn báo trước là 74.136.907 đồng; Đóng BHXH, BHYT tháng 7/2021 cho bà N.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận các yêu cầu sau của bà N: Khoản tiền lương trong những ngày không được làm việc tính từ ngày 01/8/2021 đến ngày 31/7/2022 là 853.497.000 đồng; Bồi thường 2 tháng tiền lương do thỏa thuận chấm dứt HĐLĐ là 142.249.500 đồng; Trợ cấp thôi việc là 102.367.598 đồng; Tiền vé máy bay là 12.721.500 đồng; Đóng đầy đủ BHXH, BHYT cho nguyên đơn từ ngày 01/8/2018 đến tháng 6/2021 và từ ngày 01/8/2021 đến ngày 31/7/2022; Phần yêu cầu bồi thường tiền lương do đơn phương chấm dứt HĐLĐ trái pháp luật vượt quá mức tiền lương 2.350,5 USD/tháng và phần bồi thường tiền lương vi phạm thời hạn báo trước vượt quá mức tiền lương 2.350,5 USD/tháng.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định

Không chấp nhận các yêu cầu của bị đơn về việc yêu cầu bà N sửa lại đơn khởi kiện, yêu cầu chuyển hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết theo thẩm quyền để Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, cùng lời trình bày của đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hình thức đơn khởi kiện:

Ngày 18/5/2022, bà N do bà Nguyễn Hiền T đại diện nộp đơn khởi kiện ghi ngày 10/5/2022 theo Giấy ủy quyền ngày 11/12/2021. Ngày 20/5/2022, bà N do bà Nguyễn Hiền T đại diện nộp đơn khởi kiện ghi ngày 10/5/2022.

Căn cứ Điều 189 BLTTDS thì đơn khởi kiện đã được thực hiện đúng hình thức, nội dung theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Điều 478 BLTTDS quy định các trường hợp Tòa án Việt Nam công nhận giấy tờ, tài liệu do cá nhân cư trú ở nước ngoài lập, trong đó có quy định: ... *giấy tờ, tài liệu được lập ở nước ngoài phải được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật nước ngoài và đã được hợp pháp hóa lãnh sự ...*

Tại thời điểm nộp đơn khởi kiện, bà N có quốc tịch Ấn Độ, đang cư trú tại Việt Nam và đơn khởi kiện của bà N được lập ở Việt Nam. Như vậy, đơn khởi kiện của bà N không cần phải được hợp pháp hóa lãnh sự. Do đó, không chấp nhận yêu cầu của bị đơn về việc yêu cầu bà N sửa lại đơn khởi kiện.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Khoản 3 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định:

Những tranh chấp, yêu cầu mà có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần phải ủy thác tư pháp ... không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện ...

Điều 471 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định:

Vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài đã được một Tòa án Việt Nam thụ lý giải quyết theo quy định về thẩm quyền của Bộ luật này thì phải được Tòa án đó tiếp tục giải quyết mặc dù trong quá trình giải quyết có sự thay đổi quốc tịch, nơi cư trú, địa chỉ của đương sự ...

Bà N có đăng ký tạm trú và cư trú tại đường S, Cao tốc L, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, không thuộc trường hợp đương sự ở nước ngoài nên Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Đến ngày 18/7/2022, bà N xuất cảnh (theo Văn bản số 2504 ngày 09/8/2023 của Cục Quản lý Xuất nhập cảnh – Bộ Công an và danh sách chi tiết khách xuất nhập cảnh ngày 07/8/2023 của Cục Quản lý Xuất nhập cảnh – Bộ Công an kèm theo) thì vụ án vẫn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức. Đồng thời, bị đơn có trụ sở tại thành phố Thủ Đức.

Căn cứ khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 471 BLTTDS thì quan hệ tranh chấp là đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, không chấp nhận yêu cầu của bị đơn về việc yêu cầu chuyển hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết theo thẩm quyền.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện:

Nguyên đơn xác định ngày 29/6/2021, bà N nhận được Thông báo ngày 19/5/2021 về việc chấm dứt hợp đồng lao động kể từ ngày 19/6/2021. Bị đơn cho rằng ngày 19/5/2021, giữa nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động nhưng không được nguyên đơn thừa nhận và bị đơn cũng không cung cấp được chứng

cứ chứng minh việc hai bên đã thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động. Do đó, bị đơn đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với nguyên đơn và ngày 29/6/2021 là ngày nguyên đơn biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị vi phạm.

Ngày 18/5/2022, bà N nộp đơn khởi kiện tại Tòa án về tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và yêu cầu trả tiền lương tháng 7/2021. Ngày 20/5/2022, bà N tiếp tục nộp đơn khởi kiện tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động. Như vậy, thời điểm bà N bắt đầu nộp đơn khởi kiện ngày 18/5/2022 được tính là ngày nộp đơn của bà N. Căn cứ khoản 3 Điều 190 BLLĐ, yêu cầu khởi kiện của bà N còn trong thời hiệu khởi kiện. Vì vậy, bị đơn đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án do hết thời hiệu khởi kiện là không đúng quy định của pháp luật.

[1.4] Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu bồi thường tiền lương do vi phạm thời hạn báo trước theo tỷ giá ngoại tệ 23.130 đồng/USD. Việc thay đổi yêu cầu này không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Căn cứ Điều 244 BLTTDS, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về thẩm quyền ký hợp đồng lao động:

Bà N và Trường T ký với nhau 03 HĐLĐ và được cấp giấy phép lao động từ ngày 04/9/2018 đến ngày 01/9/2020 và từ ngày 10/9/2020 đến ngày 10/9/2022, cụ thể:

+ Hợp đồng lao động số 1 có hiệu lực từ ngày 01/8/2018 đến ngày 31/7/2020, tiền lương 2.158 USD/tháng và trợ cấp nhà ở 600 USD/tháng.

+ Ngày 16/01/2020, ký HĐLĐ số 2 có hiệu lực từ ngày 01/8/2020 đến ngày 31/7/2021, tiền lương 2.350,5 USD/tháng và trợ cấp nhà ở 600 USD/tháng.

+ Ngày 11/01/2021, ký HĐLĐ số 3 có hiệu lực từ ngày 01/8/2021 đến ngày 31/7/2022, tiền lương 2.475 USD/tháng và trợ cấp nhà ở 600 USD/tháng.

Căn cứ khoản 2 Điều 151 BLLĐ, bà N và Trường T có thể giao kết nhiều lần hợp đồng lao động xác định thời hạn.

Tại phiên tòa, phía Trường T cho rằng HĐLĐ số 1, số 2 và số 3 là vô hiệu do ông Nguyễn Minh P – Chủ tịch Hội đồng quản trị ký với tư cách là người sử dụng lao động là không đúng thẩm quyền, người có thẩm quyền ký là hiệu trưởng.

Theo Quyết định về công nhận Hội đồng quản trị Trường Quốc tế T số 183/QĐ-GDĐT-TC ngày 17/01/2020 thì ông Nguyễn Minh P là Chủ tịch Hội đồng quản trị trường.

Theo Quyết định về công nhận hiệu trưởng Trường Quốc tế T số 112/QĐ-SGDĐT ngày 13/01/2021 thì ông G giữ nhiệm vụ hiệu trưởng đến hết ngày 16/10/2022.

Căn cứ Điều 6, 8, 9, 10, 13 Quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục ban hành kèm theo Thông tư số 13/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì:

Cơ cấu tổ chức trường phổ thông tư thục .. gồm: hội đồng quản trị; ban kiểm soát, hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng ...

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý và là tổ chức đại diện duy nhất cho quyền sở hữu của trường...

Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đứng đầu Hội đồng quản trị ... có những nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 10 Quy chế trên.

Hiệu trưởng là người trực tiếp quản lý và điều hành hoạt động của nhà trường... trong đó có nhiệm vụ, quyền hạn: ... trực tiếp ký hợp đồng lao động sử dụng giáo viên, nhân viên;

Xét thấy, tuy người ký HĐLĐ số 1, số 2, số 3 không phải là hiệu trưởng nhưng khi có quyết định công nhận hiệu trưởng thì Trường T vẫn thừa nhận, tiếp tục thực hiện các HĐLĐ đã ký với bà N, bà N vẫn làm việc tại trường, vẫn được trả lương. Như vậy, hiệu trưởng mới đã thực hiện theo đúng nội dung các HĐLĐ được ký kết với bà N. Do đó, HĐLĐ số 1, số 2, số 3 không vô hiệu nên không chấp nhận ý kiến của bị đơn về việc HĐLĐ số 1, số 2, số 3 vô hiệu. Riêng HĐLĐ số 3 hai bên ký ngày 11/01/2021 đã thỏa thuận quan hệ lao động bắt đầu vào ngày 01/8/2021 và hết thời hạn vào ngày 31/7/2022 nên HĐLĐ này chưa được thực hiện.

[2.2] Về tiền lương:

Theo Điều 1 Pháp lệnh ngoại hối sửa đổi bổ sung năm 2013: *“Trên lãnh thổ Việt Nam, mọi giao dịch, thanh toán, niêm yết, quảng cáo, báo giá, định giá, ghi giá trong hợp đồng, thỏa thuận và các hình thức tương tự khác của người cư trú, người không cư trú không được thực hiện bằng ngoại hối, trừ các trường hợp được phép theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.”*

Theo khoản 14 Điều 4 Thông tư số 32/2013/TT-NHNN ngày 26/12/2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện quy định về hạn chế sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam quy định: *“Người cư trú, người không cư trú là tổ chức được thỏa thuận và trả lương, thưởng, phụ cấp trong hợp đồng lao động bằng ngoại tệ chuyển khoản hoặc tiền mặt cho người không cư trú và người cư trú là người nước ngoài làm việc cho chính tổ chức đó.”*

Như vậy, việc Trường T và bà N thỏa thuận trả lương bằng USD là phù hợp quy định của pháp luật.

[2.3] Về việc chấm dứt hợp đồng lao động:

Ngày 19/5/2021, Trường T ban hành Thông báo chấm dứt HĐLĐ, theo đó, Trường T chấm dứt HĐLĐ với bà N kể từ ngày 19/6/2021, bởi dịch COVID bùng phát rất nghiêm trọng và Trường T đã tích cực thực hiện các biện pháp cần thiết để duy trì hoạt động nhưng vẫn không hiệu quả, buộc phải giảm chỗ làm việc.

Thời điểm tháng 5/2021 và tháng 6/2021 là thời điểm dịch COVID bùng phát tại Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 31/5/2021, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng giãn cách xã hội theo Chỉ thị 15, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo áp dụng biện pháp hạn chế tụ tập đông người, dừng các hoạt động hội họp, các sự kiện tập trung trên 20 người trong 1 phòng; không tụ tập từ 10 người trở lên ngoài phạm vi công sở, trường học, bệnh viện; yêu cầu thực hiện khoảng cách tối thiểu 2m giữa người với người tại các địa điểm công cộng.

Tại phiên tòa, Trường T cho rằng thời điểm này, Trường T chuyển sang hình thức dạy và học trực tuyến, nhưng không có tổ chức họp toàn thể giáo viên theo hình thức

trực tuyến để thông báo về việc phải giảm chỗ làm việc và cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh Trường T đã tích cực thực hiện các biện pháp để duy trì hoạt động nhưng vẫn không hiệu quả, buộc phải giảm chỗ làm việc. Đồng thời, Trường T xác định hai bên thỏa thuận chấm dứt HĐLĐ nhưng không được nguyên đơn thừa nhận và cũng không cung cấp được chứng minh có sự thỏa thuận này.

Hơn nữa, căn cứ khoản 2 Điều 36 BLLĐ, Trường T phải báo trước cho bà N ít nhất 30 ngày khi đơn phương chấm dứt HĐLĐ. Tuy nhiên, Trường T không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã thực hiện việc báo trước này. Căn cứ Điều 39 BLLĐ, Trường T đã đơn phương chấm dứt HĐLĐ trái pháp luật. Vì vậy, bà N khởi kiện yêu cầu Trường T bồi thường do hành vi đơn phương chấm dứt HĐLĐ trái pháp luật là có căn cứ.

[2.4] Về yêu cầu bồi thường của bà N:

[2.4.1] HĐLĐ có hiệu lực tại thời điểm Trường T đơn phương chấm dứt HĐLĐ với bà N là HĐLĐ số 2 xác định thời hạn đến ngày 31/7/2021.

Bà N cho rằng quyền lợi của mình được tính đến ngày 31/7/2022 (hết hạn của HĐLĐ số 3) vì hợp đồng đã được ký kết vào ngày 11/01/2021.

Nội dung HĐLĐ số 3 thể hiện quan hệ lao động sẽ bắt đầu vào ngày 01/8/2021 và hết hạn ngày 31/7/2022. Vào thời điểm Trường T đơn phương chấm dứt HĐLĐ với bà N thì HĐLĐ số 3 vẫn chưa được các bên thực hiện, chưa phát sinh hiệu lực, do đó hợp đồng này không ràng buộc trách nhiệm giữa các bên. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu Trường T bồi thường đến hết hạn HĐLĐ số 3 là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Căn cứ Điều 41 BLLĐ, Trường T đơn phương chấm dứt HĐLĐ trái pháp luật nên Trường T có trách nhiệm bồi thường cho bà N các khoản sau: Bồi thường tiền lương trong những ngày không được làm việc đến ngày 31/7/2021; Đóng BHXH, BHYT đến hết ngày 31/7/2021; Bồi thường 02 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt HĐLĐ trái pháp luật; Bồi thường khoản tiền tương ứng với tiền lương trong những ngày không báo trước; Trả trợ cấp thôi việc trong thời gian làm việc từ 01/8/2018 đến ngày 31/7/2021 theo mức lương 2.350,5USD/tháng.

Theo Thông báo ngày 19/5/2021, Trường T trả cho bà N tiền lương và trợ cấp tiền nhà đến ngày 31/7/2021 là 136.513.260 đồng; số ngày phép chưa nghỉ là 23.130.000 đồng; trợ cấp thôi việc từ ngày 01/8/2018 đến ngày 31/7/2021 là 81.556.380 đồng; tiền vé máy bay là 12.721.500 đồng. Tổng cộng là 253.898.010 đồng.

Căn cứ Sao kê tài khoản của bà N số 0071000799458 ngày 03/8/2023 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh thì ngày 21/6/2021, Trường T đã chuyển số tiền 35.641.000 đồng và ngày 01/7/2021, Trường T chuyển số tiền 185.653.010 đồng, tổng cộng là 221.294.010 đồng. Nguyên đơn cho rằng chỉ nhận được khoản tiền 185.653.010 đồng là không có cơ sở.

Trường T cho rằng tiền lương tháng 6 của bà N là 68.245.000 đồng, khi nhận lương phải giảm trừ học phí cho con của bà N là 32.604.000 đồng. Do đó, tiền lương tháng 6 bà N thực nhận là 35.641.000 đồng.

Xét thấy, bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh giữa bà BIDHI và Trường T có thỏa thuận về việc cản trở học phí của con bà N vào tiền lương của bà N nên việc Trường T cản trở học phí của con của bà N vào tiền lương của bà N là không đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, các bên không có tranh chấp với nhau về khoản tiền cản trở này. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, sau này nếu các đương sự có tranh chấp về việc cản trở tiền lương thì sẽ khởi kiện trong vụ kiện khác theo quy định của pháp luật.

[2.4.2] Về thời gian và mức lương tháng đóng BHXH, BHYT:

Xét thấy, theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014, Điều 3 Luật Việc làm năm 2013, các quy định pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp hiện hành chỉ áp dụng đối với lao động Việt Nam. Bà N là lao động nước ngoài nên không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp. Trường T chi trả trợ cấp thôi việc cho bà N đến ngày 31/7/2021 là đúng quy định của pháp luật.

Theo Điều 2 Nghị định 143/2018/NĐ-CP ngày 15/10/2018 quy định chi tiết Luật bảo hiểm xã hội và Luật an toàn, vệ sinh lao động về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với người lao động là công dân nước ngoài làm việc tại Việt Nam có hiệu lực từ ngày 01/12/2018 thì bà N thuộc đối tượng tham gia BHXH bắt buộc. Do đó, Trường T đóng BHXH cho bà N từ tháng 12/2018 là phù hợp quy định của pháp luật.

Đồng thời, Điều 5 và khoản 2, 3 Điều 89 Luật Bảo hiểm xã hội quy định:

Mức đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được tính trên cơ sở tiền lương tháng của người lao động.

Trường hợp tiền lương tháng quy định tại ... khoản 2 Điều này cao hơn 20 lần mức lương cơ sở thì tiền lương tháng đóng BHXH bằng 20 lần mức lương cơ sở.

Theo khoản 6 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế quy định về đối tượng tham gia BHYT gồm: *Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn, hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 3 tháng trở lên...* Đồng thời, khoản 2, khoản 7 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế quy định:

Mức đóng bảo hiểm y tế được xác định theo tỷ lệ phần trăm của tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội.

Mức tiền lương tháng tối đa để tính số tiền đóng bảo hiểm y tế là 20 lần mức lương cơ sở.

Theo Điều 3 Nghị định số 72/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang quy định: *Từ ngày 01 tháng 7 năm 2018, mức lương cơ sở là 1.390.000 đồng/tháng*

Theo Điều 3 Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang quy định: *Từ ngày 01 tháng 7 năm 2019, mức lương cơ sở là 1.490.000 đồng/tháng.*

Căn cứ Văn bản số 3408/BHXH-TST ngày 29/7/2024, Trường T đã đóng BHYT từ tháng 8/2018 đến tháng 11/2018 theo mức lương 27.800.000 đồng và đóng BHXH, BHYT, bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp từ tháng 12/2018 đến tháng

6/2019, mức đóng 27.800.000 đồng và từ tháng 7/2019 đến tháng 6/2021, mức đóng 29.800.000 đồng.

Tiền lương tháng của bà N cao hơn 20 lần mức lương cơ sở nên Trường T đóng BHXH, BHYT cho bà N theo các mức đóng nêu trên là phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Trường T chỉ đóng đến 6/2021 là chưa đầy đủ. Bà N yêu cầu Trường T đóng BHXH, BHYT từ ngày 01/8/2018 đến tháng 6/2021 là không phù hợp và từ ngày 01/8/2021 đến ngày 31/7/2022 là không có cơ sở.

Từ những nhận định trên, Trường T có nghĩa vụ phải:

- Bồi thường 02 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt HĐLĐ trái pháp luật $2.350,5 \text{ USD/tháng} \times 2 \text{ tháng} = 4.701 \text{ USD}$ và bồi thường khoản tiền tương ứng với tiền lương trong những ngày không báo trước 30 ngày là $(2.350,5 \text{ USD} : 22 \text{ ngày}) \times 30 \text{ ngày} = 3.205 \text{ USD}$. Tổng cộng là 7.906 USD.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường theo tỷ giá ngoại tệ 23.130 đồng/USD, không yêu cầu bồi thường theo tỷ giá tại thời điểm xét xử là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận, buộc Trường T bồi thường cho bà N số tiền tổng cộng là 182.871.037 đồng.

- Trường T và bà N có trách nhiệm đóng BHXH, BHYT cho bà N từ ngày 01/7/2021 đến hết ngày 31/7/2021 theo mức lương 29.800.000 đồng, tỷ lệ đóng theo quy định của pháp luật, thực hiện chốt và trả sổ BHXH cho bà N theo quy định của pháp luật.

[2.4.3] Đối với các yêu cầu của bà N yêu cầu bồi thường tiền lương trong những ngày không được làm việc từ ngày 01/8/2021 đến ngày 31/7/2022, số tiền là 853.497.000 đồng; Bồi thường 02 tháng tiền lương do thỏa thuận chấm dứt HĐLĐ là 142.249.500 đồng; Trả trợ cấp thôi việc là 102.367.598 đồng; Trả tiền vé máy bay 12.721.500 đồng; Đóng đầy đủ BHXH, BHYT cho nguyên đơn từ ngày 01/8/2018 đến tháng 6/2021 và từ ngày 01/8/2021 đến ngày 31/7/2022; Phần yêu cầu bồi thường tiền lương do đơn phương chấm dứt HĐLĐ trái pháp luật vượt quá mức tiền lương 2.350,5 USD/tháng và phần bồi thường tiền lương vi phạm thời hạn báo trước vượt quá mức tiền lương 2.350,5 USD/tháng là không có căn cứ, nên không được chấp nhận.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà N được miễn án phí và Trường T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điều 189, Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 471, Điều 478 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 36, Điều 38, Điều 39, Điều 41, Điều 42, Điều 48, Điều 90, Điều 96, Khoản 1 Điều 114, Điều 151, Điều 186, Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019;

- Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 2, Điều 5, Điều 89, Điều 124 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;
- Căn cứ Điều 3 Luật Việc làm năm 2013;
- Căn cứ khoản 2, 6, 7 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;
- Căn cứ Pháp lệnh ngoại hối năm 2005, được sửa đổi bổ sung năm 2013;
- Căn cứ khoản 3 Điều 14 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ;
- Căn cứ khoản 2 Điều 2, Điều 13 Nghị định số 143/2018/NĐ-CP ngày 15/10/2018 của Chính phủ;
- Căn cứ Điều 3 Nghị định số 72/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ;
- Căn cứ Điều 3 Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 của Chính phủ
- Căn cứ khoản 14 Điều 4 Thông tư số 32/2013/TT-NHNN ngày 26/12/2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Căn cứ Thông tư số 13/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà SINGH N.

1.1 Buộc Trường Quốc tế T thanh toán cho bà SINGH N số tiền tổng cộng là 182.871.037 (Một trăm tám mươi hai triệu tám trăm bảy mươi một nghìn ba mươi bảy) đồng, bao gồm các khoản sau:

- Bồi thường 02 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là 108.734.130 (Một trăm lẻ tám triệu bảy trăm ba mươi bốn nghìn một trăm ba mươi) đồng.

- Bồi thường khoản tiền tương ứng với tiền lương trong những ngày không báo trước 30 ngày là 74.136.907 (Bảy mươi bốn triệu một trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm lẻ bảy) đồng.

1.2 Buộc Trường Quốc tế T và bà SINGH N có trách nhiệm đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho bà SINGH N từ ngày 01/7/2021 đến hết ngày 31/7/2021 theo mức lương 29.800.000 (Hai mươi chín triệu tám trăm nghìn) đồng, tỷ lệ đóng theo quy định của pháp luật, chốt sổ bảo hiểm xã hội và trả sổ bảo hiểm xã hội cho bà SINGH N theo quy định của pháp luật.

2. Không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện sau của bà SINGH N về việc yêu cầu Trường Quốc tế T phải: Bồi thường tiền lương trong những ngày không được làm việc từ ngày 01/8/2021 đến ngày 31/7/2022, số tiền là 853.497.000 (Tám trăm năm mươi ba triệu bốn trăm chín mươi bảy nghìn) đồng; Bồi thường 02 tháng tiền lương do thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động là 142.249.500 (Một trăm bốn mươi hai triệu hai

trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm) đồng; Trả trợ cấp thôi việc là 102.367.598 (Một trăm lẻ hai triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm chín mươi tám) đồng; Trả tiền vé máy bay 12.721.500 (Mười hai triệu bảy trăm hai mươi một nghìn năm trăm) đồng; Đóng đầy đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế bà SINGH N từ ngày 01/8/2018 đến tháng 6/2021 và từ ngày 01/8/2021 đến ngày 31/7/2022; Phần yêu cầu bồi thường tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật vượt quá mức tiền lương 2.350,5 USD/tháng và phần bồi thường tiền lương vi phạm thời hạn báo trước vượt quá mức tiền lương 2.350,5 USD/tháng.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Trường Quốc tế T phải chịu 5.486.131 (Năm triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn một trăm ba mươi một) đồng.

Bà SINGH N được miễn tạm ứng án phí, án phí lao động sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bà SINGH N và Trường Quốc tế T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TPHCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPHCM;
- VKSND thành phố Thủ Đức, TPHCM;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức, TPHCM;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phương Châu